

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 823/2009/
UBTVQH12

NGHỊ QUYẾT

phê chuẩn việc sửa đổi, bổ sung mục III bảng phụ cấp chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo của Nhà nước và đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ban hành kèm theo Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc phê chuẩn Bảng lương chức vụ, Bảng phụ cấp chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo của Nhà nước; Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ ngành Tòa án, ngành Kiểm sát

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;

Căn cứ Luật tổ chức Quốc hội số 30/2001/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 83/2007/QH11;

Căn cứ Luật tổ chức Tòa án nhân dân số 33/2002/QH10, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 34/2002/QH10;

Xét đề nghị của Chính phủ,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn việc bổ sung Bảng phụ cấp chức vụ đối với một số chức danh lãnh đạo của thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại I vào mục III Bảng phụ cấp chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo của Nhà nước và đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ban hành kèm theo Nghị quyết

số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc phê chuẩn Bảng lương chức vụ, Bảng phụ cấp chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo của Nhà nước; Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ ngành Tòa án, ngành Kiểm sát.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2009.

Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết này./.

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2009

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Trọng

**BẢNG PHỤ CẤP CHỨC VỤ ĐỐI VỚI MỘT SỐ CHỨC DANH LÃNH ĐẠO
CỦA THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH LÀ ĐÔ THỊ LOẠI I**

*(ban hành kèm theo Nghị quyết số 823/2009/NQ-UBTVQH12 ngày 03 tháng 10
năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội)*

STT	Chức danh	Hệ số phụ cấp chức vụ
1	Chủ tịch Hội đồng nhân dân	0,95
2	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	0,75
3	Ủy viên thường trực Hội đồng nhân dân	0,60
4	Trưởng ban chuyên trách Hội đồng nhân dân	0,50
5	Phó Trưởng ban chuyên trách Hội đồng nhân dân	0,30
6	Các chức danh lãnh đạo thuộc Tòa án nhân dân	
	a) Chánh án	0,65
	b) Phó chánh án	0,50
7	Các chức danh lãnh đạo thuộc Viện kiểm sát nhân dân	
	a) Viện trưởng	0,65
	b) Phó viện trưởng	0,50